TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung;

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Đài Loan – Trung Quốc.Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Ông **Vũ Hữu K**, sinh năm 1947. Địa chỉ: Xóm F, thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **C, C1 -E**, sinh ngày 24/01/1956.

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Hộ chiếu số 361795950 cấp ngày 21/3/2023. Địa chỉ cư trú: Số A đường V, xóm H, phường V, thị trấn H, huyện B, Đài Loan. (Trung Quốc). Hiện vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh C, C1 - En được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 13/6/2023. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại Việt Nam. Tháng 7/2023 anh C, C1 - E bị tai biến nên được chị cùng gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện. Đến tháng 8/2023, gia đình anh C, C1 - En đưa anh trở về Đài Loan (Trung Quốc) để tiếp tục điều trị, hiện tại sức khỏe của anh C, C1 - E đã ổn định. Tuy nhiên, anh không sang Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế vợ chồng mỗi người sống một nơi, khoảng cách về địa lý, bất đồng ngôn ngữ nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, C1 - En theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị ủy quyền cho ông Vũ Hữu K thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, ông K đã thông báo cho chị biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh C, C1 - E vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh C, C1 - E. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị H cung cấp địa chỉ của anh C, C1 - En tại: Số A đường V, xóm H, phường V, thị trấn H, huyện B, Đài Loan là địa chỉ trước khi về Việt Nam kết hôn, ngoài địa chỉ trên chị H không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ Tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 31 tháng 01 năm 2024, Bộ Tư pháp có công văn số 229/CH-BTP, thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản ủy thác tới Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện ủy thác đối với anh C, C1 - E. Ngày 14/6/2024, Bộ Tư pháp có công văn số 1655/BTP-PLQT thể hiện Bộ tư pháp nhận được Văn bản số 1130010152 ngày 29/4/2024 của Bộ tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh C, C1 - E. Theo đó cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện được ủy thác tư pháp vào ngày 16/4/2024 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn Công an. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị H có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt, anh C, C1 - E vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh C, C1 - En kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 13/6/2023 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì anh C, C1 - E bị bệnh nên được gia đình đưa về Đài Loan - Trung Quốc để điều trị. Sau khi ổn định sức khỏe, anh không sang Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng sống mỗi người một nơi nên không còn tình cảm, không có sự quan tâm tới nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị H và anh C, C1 - E đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh C, C1 - En là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh C, C1 - E có yêu cầu giải quyết về tài sản chung (nếu có căn cứ) thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí, lệ phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về Hôn nhân gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Vũ Thị H** ly hôn anh **C, C1 - E.**

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm dân sự (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000320 ngày 23/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Vũ Thị H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000344 ngày 04/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh C, C1 - En được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa GĐ và NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân